TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 222/2019/DS-PT
Ngày: 21 - 8 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan

Bà Châu Minh Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Đen là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 21 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 142/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 7 năm 2019 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 83 Dương Thị Cẩm Vân, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1: Ông Nguyễn Văn Nuôi – Luật sư của văn phòng Luật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ủy ban nhân dân huyện Đầm D2 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị t, huyện Đ, tỉnh C ..

2. Ông Tô Thanh B, sinh năm 1966 (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1985 (có mặt).

4. Chị Phạm Ngọc V, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

5. Ông Nguyễn Văn Có (đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Có:

+ Bà Huỳnh Thị D1, sinh năm 1943 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà D1: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 83 Dương Thị Cẩm Vân, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thùy L1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị N3, sinh năm 1973 (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị L2, sinh năm 1975 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1980 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1985 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Hoàng S1, sinh năm 1986 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

6. Ông Nguyễn Văn T(đã chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Tài:

+ Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1961 (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị S2, sinh năm 1983 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Hoàng N2, sinh năm 1985 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Hoàng N4, sinh năm 1987 (có mặt).

+ Anh Nguyễn Hoàng D3, sinh năm 1989 (có mặt).

+ Chị Nguyễn Cẩm N5, sinh năm 1991 (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Hồng N6, sinh năm 1993 (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Cẩm H, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị D1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Bà Huỳnh Thị D1 và người đại diện theo ủy quyền của bà D1 trình bày:*

Khoảng năm 1980 cụ Nguyễn Văn Lịch cho ông Nguyễn Văn Có 02 phần đất ở hai nơi khác nhau thuộc ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi, ông Có sử dụng đến năm 1990 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 61, 164, 175 tờ bản đồ số 01 với tổng diện tích 45.400m^2. Đến năm 1992, do ông Nguyễn Văn Tlà em ông Có ít đất sản xuất, con đông và bị bệnh nên ông Có cho mượn phần đất tại thửa số 61 diện tích 15.200m^2 để trồng lúa tạo thêm thu nhập. Năm 2000 ông Tài chết thì ông Có gặp gia đình bà N1 yêu cầu trả

lại đất nhưng bà N1 không đồng ý. Năm 2009 ông Có chết, vào các năm 2010, 2012, 2018 bà D1 tiếp tục yêu cầu trả đất nhưng bà N1 không trả.

Nay bà D1 yêu cầu bà N1 trả lại phần đất đã cho mượn có diện tích theo đo đạc thực tế là 16.102m^2, vì phần đất này ông Có đứng tên quyền sử dụng và nộp thuế sử dụng đất từ năm 1992.

- *Bà Nguyễn Thị N1 trình bày:* Trước năm 1977 – 1978 cụ Lịch và ông Tài đến chuyển nhượng phần đất của bà Võ Thị Mạnh cho ông Tài. Sau khi chuyển nhượng, ông Tài cho ông Trần Thanh Giàu, ông Trần Văn Nữa, ông Có, ông Nguyễn Hoàng Dân mượn canh tác. Đến năm 1990- 1991 ông Có và ông Tài cùng đi làm thủ tục kê khai và được cấp Giấy chứng nhận, khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về ông Tài phát hiện phần đất 15.200m^2 đất của ông Tài nhận chuyển nhượng từ bà Mạnh lại cấp cho ông Có, nên ông Tài có yêu cầu điều chỉnh lại giấy. Năm 1992 ông Có trả lại phần đất mượn nhưng vẫn chưa được điều chỉnh giấy, gia đình bà sử dụng phần đất này cho đến nay.

Ngoài việc nộp thuế đối với phần đất được cấp Giấy chứng nhận thì gia đình bà đã nộp thuế phần đất 15.200m^2 do ông Có trả lại từ năm 1992. Phần đất này hiện bà đã cho anh Nguyễn Hoàng N2, chị Phạm Ngọc V canh tác, còn một phần hùn làm ao nuôi tôm công nghiệp với ông Tô Thanh B.

Bà N1 không đồng ý trả lại đất theo yêu cầu của bà D1, yêu cầu công nhận phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 16.102m^2 và điều chỉnh lại Giấy chứng nhận của ông Có cho gia đình bà.

- *Anh Nguyễn Hoàng N2 trình bày*:

Năm 2003 - 2005 bà N1 có cho anh phần đất 15.200m^2 sử dụng, đến năm 2007 anh đi bộ đội thì giao lại phần đất cho bà N1 sử dụng. Đến năm 2010 anh về nhận lại đất sử dụng đến đầu năm 2018 hùn với ông B làm một ao tôm công nghiệp. Anh không đồng ý theo yêu cầu của bà D1, vì phần đất này là của gia đình anh. Anh yêu cầu xem xét điều chỉnh diện tích 15.200m^2 trong Giấy chứng nhận của ông Có cho gia đình anh.

- *Anh Nguyễn Văn R, chị Nguyễn Thùy L1, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Hoàng S1*: Thống nhất trình bày và yêu cầu của bà D1.

- *Chị Nguyễn Thị S2, anh Nguyễn Hoàng N4, anh Nguyễn Hoàng D3, chị Nguyễn Cẩm N5, chị Nguyễn Cẩm H*: Thống nhất lời trình bà của bà N1, không đồng ý yêu cầu của bà D1.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D1 yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị N1 trả diện tích đất theo thẩm định thực tế là 16.102m^2 tại ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N1.

Công nhận phần đất theo thẩm định thực tế 16.102m^2 thuộc thửa số 61 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 151287 cấp ngày 05/4/1990 của ông Nguyễn Văn Có thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Nguyễn Văn Tài.

Phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp đất anh Hồ Minh Đương (M2M3), dài 167m.
- Phía Tây giáp đất ông Tô Thanh B (M1M4), dài 165m.
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị N1 (M3M4), dài 92,5m.
- Phía Bắc giáp Kinh Thổ (Kinh Lẫm) (M1M2), dài 101,9m.

Do ông Nguyễn Văn Tđã chết nên phần đất trên thuộc quyền sở hữu của các đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông Tài gồm: Bà N1, chị Nguyễn Thị S2, anh Nguyễn Hoàng N2, anh Nguyễn Hoàng N4, anh Nguyễn Hoàng D3, chị Nguyễn Cẩm N5, chị Nguyễn Hồng N6 và chị Nguyễn Cẩm H.

Các đồng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Có gồm: Bà Huỳnh Thị D1, chị Nguyễn Thùy L1, chị Nguyễn Thị N3, chị Nguyễn Thị L2, anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn R, anh Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Hoàng S1 và anh Nguyễn Văn H cùng đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Tcó trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất trên theo quy định của pháp luật. Nếu các đồng thừa kế thứ nhất của ông Có gây khó khăn thì các đồng thừa kế thứ nhất của ông Tài được quyền chủ động liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đối với phần đất trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/6/2019, bà Huỳnh Thị D1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà D1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và tranh luận: Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Có đứng tên, căn cứ vào nguồn gốc đất do ông Lịch tặng cho, căn cứ vào xác nhận của con cháu bà Sáu Nai, bà Mạnh, nên đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D1.

Bà N1 và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1 tranh luận: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà D1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Huỳnh Thị D1 không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm buộc gia đình bà Nguyễn Thị N1 trả diện tích đất theo đo đạc thực tế là 16.102m^2 tại ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi.

Với lý do: Bà D1 cho rằng phần đất này bà D1 và ông Có được cụ Lịch cho từ khoảng năm 1980, được Ủy ban nhân dân huyện Đầm D2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/5/1990 do ông Có đứng tên, năm 1992 bà D1 và ông Có cho ông Tài mượn phần đất này. Xét kháng cáo bà D1 Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế, qua xem xét thẩm định tại chổ, phần đất có diện tích là 16.102m^2 thuộc thửa số 61 tờ bản đồ số 11 do ông Có đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần đất có các phía tiếp giáp:

- Phía Đông giáp đất anh Hồ Minh Đương.
- Phía Tây giáp đất ông Tô Thanh B.
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị N1.
- Phía Bắc giáp Kinh Thổ (Kinh Lẫm).

Hiện trạng phần đất: Có 01 ao tôm công nghiệp của anh Nguyễn Hoàng N2 hùn với ông Tô Thanh B, kích thước ngang 42,4m x 62m; 01 cống xổ 08m và 01 chòi vuông loại cây gỗ tạp kích thước 4,5m x 4,5m của anh N2. Phần đất còn lại anh N2 đang sử dụng cùng với vợ là chị Phạm Ngọc V.

[3] Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản tranh chấp (BL169-BL170) thể hiện: Diện tích đất tranh chấp 16.102m^2 có giá trị là 563.570.000 đồng; ao tôm công nghiệp (gồm ao nuôi và ao lắng - không tính phần thiết bị máy móc, quạt, thiết bị ô xi hệ thống điện và các thiết bị khác) có giá trị là 76.562.640 đồng. Các tài sản khác đương sự không yêu cầu định giá.

[4] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp thấy rằng: Tại biên bản xác minh ngày 27/12/2011 của Tổ hòa giải ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam đối với bà Võ Thị Mạnh thì bà Mạnh xác định sang phần đất này cho ông Tài. Cũng tại biên bản họp thân tộc ngày 21/3/2010 thể hiện phần đất tranh chấp nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ ông Có nhưng ông Có đã trả lại cho ông Tài. Nội dung biên bản xác minh trên và biên bản họp thân tộc phù hợp với nội dung xác nhận của ông Nguyễn Văn Vững và bà Nguyễn Thị Dư đều là em ruột của ông Có và ông Tài, các xác nhận của ông Nguyễn Văn Lẹm, ông Nguyễn Văn Lễ, ông Nguyễn Hoàng Dân, ông Lê Hoàng Bé, ông Nguyễn Văn Hùng, bà Nguyễn Thị Sáu, ông Nguyễn Văn Quang, ông Trần Văn Nữa, bà Nguyễn Thị Bé, ông Trần Thanh Giàu và Nguyễn Thanh Nhanh cũng đều xác định ông Tài chuyển nhượng phần đất của bà Mạnh, sau đó cho ông Có mượn canh tác.

[4.1] Việc bà D1 cho rằng trước đây do gia đình ông Tài con đông, ít đất trong khi ông Tài bị bệnh nên ông Có cho mượn phần đất sản xuất tạo thu nhập trị bệnh xét thấy là chưa thuyết phục, bởi lẽ thời điểm năm 1992 ông Tài có phần đất khác đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 35.320m^2, các con của ông Tài khi đó đều còn nhỏ, thậm chí có người chưa được sinh ra, trong khi bản thân ông Tài lại bị bệnh nên không thể có việc mượn đất canh tác như lời trình bày của bà D1. Mặt khác, nếu có trường hợp ông Có cho ông Tài mượn đất như bà D1 trình bày thì khi ông Tài chết, ông Có phải yêu cầu lấy lại đất để canh tác. Tuy nhiên thực tế sau khi ông Tài chết năm 2000, thì không có chứng cứ gì thể hiện ông Có

có yêu cầu trả lại đất. Do đó, việc bà D1 cho rằng ông Có cho gia đình ông Tài mượn đất canh tác từ năm 1992 nay yêu cầu trả lại là không có căn cứ.

[4.2] Xét lời trình bày của bà N1 cho rằng khi ông Có và ông Tài nhận Giấy chứng nhận QSDĐ đã phát hiện diện tích đất 15.200m^2 của ông Tài nằm trong Giấy chứng nhận QSDĐ của ông Có nên có nhờ ông Bảy mang các Giấy chứng nhận QSDĐ gửi lại cho cán bộ địa chính xã Tạ An Khương để điều chỉnh lại là có cơ sở, bởi lẽ lời trình bày này của bà N1 phù hợp với xác nhận của ông Nguyễn Hoàng Bảy, ông Nguyễn Nam Đinh, cũng như phù hợp với tài liệu kê khai nộp thuế do bà N1 cung cấp.

[4.3] Từ những căn cứ trên cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp mặc dù ông Có đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng thuộc quyền sở hữu của gia đình bà N1, từ đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà D1. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà N1, công nhận phần đất theo thẩm định thực tế 16.102m^2 thuộc thửa số 61 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 151287 cấp ngày 05/4/1990 của ông Nguyễn Văn Có thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Nguyễn Văn Tlà có căn cứ.

[5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị D1, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N1 là phù hợp.

[6] Các phần khác của án sơ thẩm không kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị D1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị D1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2019/DS-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị D1 yêu cầu gia đình bà Nguyễn Thị N1 trả diện tích đất theo thẩm định thực tế là 16.102m^2 tại ấp Tân Lợi A, xã Tạ An Khương Nam, huyện Đầm Dơi.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị N1.

Công nhận phần đất theo thẩm định thực tế 16.102m^2 thuộc thửa số 61 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 151287 cấp ngày 05/4/1990 của ông Nguyễn Văn Có thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Nguyễn Văn Tài.

Phần đất có vị trí:

- Phía Đông giáp đất anh Hồ Minh Đương (M2M3), dài 167m.
- Phía Tây giáp đất ông Tô Thanh B (M1M4), dài 165m.
- Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị N1 (M3M4), dài 92,5m.
- Phía Bắc giáp Kinh Thổ (Kinh Lẫm) (M1M2), dài 101,9m.

(có sơ đồ kèm theo)

Do ông Nguyễn Văn Tđã chết nên phần đất trên thuộc quyền sở hữu của các đồng hàng thừa kế thứ nhất của ông Tài gồm: Bà N1, chị Nguyễn Thị S2, anh Nguyễn Hoàng N2, anh Nguyễn Hoàng N4, anh Nguyễn Hoàng D3, chị Nguyễn Cẩm N5, chị Nguyễn Hồng N6 và chị Nguyễn Cẩm H có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc điều chỉnh Giấy chứng nhận đối với phần đất trên.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Huỳnh Thị D1 phải chịu 4.300.000 đồng (bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Bà D1 đã nộp tạm ứng và đối chiếu thanh toán xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N1 không phải chịu, bà Huỳnh Thị D1 được miễn. Ngày 09/10/2018 bà N1 đã dự nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010451 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Huỳnh Thị D1 được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Trung